

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HS-ST

Ngày: 06/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Hộ

2. Bà Vũ Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2023/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vi Văn H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/6/1984 tại thị trấn Q, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm Thông Thá, xã N, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Vi Nguyễn S - sinh năm 1959; Con bà: Bé Thị H - sinh năm 1957 (Cùng trú tại: xóm Thông Thá, xã N, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 10/8/2012 Công an huyện Quảng Uyên xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt từ ngày 24/10/2022; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Đoàn Thị Tâm – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Đàm Trung K - sinh năm 1972; trú tại: tổ 03, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lục Văn K - sinh năm 1970; trú tại: khu 4, thị trấn T, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:*

1. Hoàng Văn N - sinh năm 1983; trú tại: thị trấn Q, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- *Người làm chứng:*

1. Quán Cẩm N - sinh năm 1991; trú tại: Số 39, đường Lê Quý Đôn, phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Trần Đức N - sinh năm 1989; trú tại: Nà Trà, K, huyện Tràng Định, Lạng Sơn; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/12/2012, Công an thành phố Cao Bằng nhận được đơn tố cáo của Đàm Trung K về việc: Ngày 19/9/2012 K cho Hoàng Văn N và Vi Văn H thuê xe ô tô nhãn hiệu FORD, biển kiểm soát 11A - 000.07 với giá tiền thuê xe là 900.000đ/ngày, đến nay chưa trả lại xe cho K.

Quá trình điều tra xác định được: Giữa tháng 9/2012, do cần tiền tiêu xài và trả nợ cá nhân nên Vi Văn H đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô của Đàm Trung K mang đi cầm cố. H hỏi Trần Đức N là lái xe chở hàng đi các cửa khẩu, bạn của H hiện đang tạm trú tại thị trấn Q, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng có biết chỗ nào nhận cầm cố xe ô tô không. N nói với H biết chỗ cầm cố xe ô tô ở Lạng Sơn. Sau đó khoảng 1 tuần, vào ngày 18/9/2012 H nhờ N ra thành phố Cao Bằng để thuê xe ô tô nhưng do giấy phép lái xe của N đang bị công an giữ nên N không đồng ý. H gọi điện thoại cho Hoàng Văn N cũng là bạn lái xe nói cần thuê xe đi ăn cưới anh em họ hàng ở Lạng Sơn nhưng bị mất chứng minh thư và giấy phép lái xe nên nhờ N đứng tên thuê xe hộ. N đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 18/9/2012 H và N đi xe khách từ thị trấn Quảng Uyên ra thành phố Cao Bằng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H và N đến nhà Đàm Trung K thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD biển kiểm soát 11A-000.07 trong thời gian từ 18/9/2012 đến ngày 25/9/2012 với giá tiền thuê xe là 900.000đ/ngày. Sau khi thuê được xe ô tô, N lái xe chở H về thị trấn Quảng Uyên, trên đường về H nói “*Hai hôm nữa mới đi cưới hay là bọn mình đi Tân Thanh, Lạng Sơn chơi*”. N đồng ý. Về đến Quảng Uyên, N cùng H đi đón N rồi cùng nhau đi Lạng Sơn. Khoảng 15 giờ cùng ngày, cả nhóm về đến nhà của N tại Tràng Định, Lạng Sơn. N vào nhà cất đồ rồi cả nhóm cùng nhau đi Cửa khẩu Tân Thanh chơi, đến khoảng 18 giờ cả 3 người cùng quay lại Tràng Định thuê phòng nghỉ. N ở tại nhà nghỉ, H và N điều khiển xe đến hiệu cầm đồ của Lục Văn K để cầm cố xe ô tô nhưng do đã mượn nên K không nhận lời. Khoảng 09 giờ ngày 19/9/2012, N và H tiếp tục điều khiển xe ô tô nhãn hiệu FORD biển kiểm soát 11A - 000.07 đến nhà K. N giới thiệu với K, H là anh rể của N đang thiếu tiền mua xe ô tô chở hàng nên muốn cầm cố xe ô tô để mượn tiền. K đồng ý nhận cầm cố xe ô tô với số tiền 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*). Sau khi nhận đủ tiền H, N về nhà nghỉ. N không thấy xe ô tô nên hỏi và được biết H đã mang xe ô tô đi cầm cố. Sau đó H thuê xe taxi, cả ba người cùng đi về thị trấn

Quảng Uyên. Tại thị trấn Quảng Uyên, N hỏi vay tiền của H để trả nợ và được H cho mượn 2.000.000đ (*hai triệu đồng*), sau đó mỗi người tự đi về nhà.

Đầu tháng 10/2012, K không thấy H và N mang xe đến trả nên đã gọi điện thoại cho H và N. Hòa nói với K sẽ tiếp tục thuê xe ô tô thêm 01 tháng và nhờ bạn là Hoàng Văn K chuyển vào tài khoản của K số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để trả tiền thuê xe ô tô. Sau đó khoảng một tuần, biết không đủ khả năng để chuộc lại xe ô tô trả cho K, Vi Văn H đã bỏ trốn sang Trung Quốc. Khi hết thời hạn thuê xe ô tô, K gọi điện cho Hòa nhưng không liên lạc được nên gọi điện thoại cho N thì được biết Hòa đã mang xe ô tô đi cầm cố. Sau đó K và N nhiều lần gọi điện thoại nhưng không liên lạc được và đến nhà tìm H nhưng không gặp. Đến ngày 24/10/2022 Vi Văn H về Việt Nam thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng phát hiện và bắt tạm giam.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-TC.KH ngày 09/01/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Bằng kết luận: 01 xe ô tô con 7 chỗ, nhãn hiệu FORD, màu sơn ghi vàng - đen xám, số khung: RLO5ULMMR7C04089, số máy: G6-346869, biển kiểm soát 11A - 000.07 có giá trị tài sản là 299.600.000 đồng (*hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn*).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, màu sơn ghi vàng - đen xám, biển kiểm soát 11A - 000.07 là tài sản của Đàm Trung K. Do vậy ngày 16/01/2013, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại xe cho K theo biên bản trả lại tài sản ngày 16/01/2013.

Tại bản Cáo trạng số: 75/CT-VKSTP ngày 05/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Vi Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản số: 01/KL-TC.KH ngày 09/01/2013 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Cao Bằng. Bị cáo trình bày không có đồ vật, tài sản bị thu giữ và có đơn xin miễn án phí hình sự vì thuộc trường hợp là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị hại ông Đàm Trung K có đơn xin xét xử vắng mặt và xác nhận đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt và ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Văn K có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho ông số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) do bị cáo đã cầm cố chiếc xe do phạm tội mà có để nhận tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung

năm 2009); Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Vi Văn H từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn N không có yêu cầu gì nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Văn K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền cho ông Kê.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo có luận cứ bào chữa với nội dung: Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Vi Văn H. Do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Về án phí: bị cáo thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền tiêu xài và trả nợ cá nhân nên Vi Văn H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin bằng hình thức thuê xe ô tô tự lái với mục đích đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Ngày 18/9/2012 Hòa gọi cho Hoàng Văn N cùng đến nhà Đàm Trung K thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD biển kiểm soát 11A - 000.07 với thời gian từ 18/9/2012 đến ngày 25/9/2012. Sau khi thuê được xe ô tô tự lái, H rủ N và N đến huyện Trảng Định, thành phố Lạng Sơn chơi. Tại đây, H nhờ N đưa đi cầm cố chiếc xe ô tô FORD biển kiểm soát 11A - 000.07 cho Lục Văn K lấy số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) tiêu xài và trả nợ cá nhân rồi bỏ trốn sang Trung Quốc. Tài sản Vi Văn H đã chiếm đoạt có giá trị 299.600.000 đồng (hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin giả để tạo lòng tin cho chủ sở hữu bàn giao tài sản và bị cáo chiếm đoạt tài sản mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cho cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;...”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Bị cáo Vi Văn H là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự: Ngày 10/8/2012, Công an huyện Quảng Uyên xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi chiếm đoạt tài sản. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà trong thời gian ngắn (đến ngày 18/9/2012) bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm năm 2012 sau đó bỏ trốn khỏi địa phương, đến 24/10/2022 quay trở về địa phương và bị bắt giam. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Đồng thời, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt lớn, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương một thời gian dài, không có ý thức khắc phục hậu quả đối với thiệt hại đã gây ra nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): “... 5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*”. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đàm Trung K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Văn K có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*) là số tiền ông Kê đưa cho bị cáo khi bị cáo cầm cố chiếc xe ô tô. Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền này cho ông Kê nên cần ghi nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Không có.

[8]. Về những vấn đề khác:

Đối với Hoàng Văn N, khi được H nhờ đứng tên thuê xe ô tô tự lái thì N không biết mục đích H thuê xe mang đi cầm cố, N không được bàn bạc hay hưởng lợi gì từ việc H cầm cố chiếc xe. Sau khi thuê được xe, H, N, N cùng đến Lạng Sơn chơi. Ngày hôm sau N biết H mang xe đi cầm cố nhưng N đã không báo ngay cho chủ sở hữu chiếc xe cũng như với cơ quan có thẩm quyền. Hành vi của N có dấu hiệu phạm vào tội không tố giác tội phạm theo quy định tại Điều 314 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn N theo quy

định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Trần Đức N, khi đưa H đến gặp Kê để cầm cố xe ô tô, N không biết về nguồn gốc của chiếc xe ô tô, cũng không được hưởng lợi gì từ việc cầm cố xe ô tô, nên không có căn cứ để xử lý đối với N.

Đối với Lục Văn K, quá trình nhận cầm cố chiếc xe ô tô mặc dù biết rõ chiếc xe có đăng ký và thuộc sở hữu của người khác, nhưng vẫn đồng ý cho H cầm cố tài sản. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với Lục Văn K theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi 2020). Do đó, không xử lý đối với hành vi của Kê.

[9]. Các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10]. Về án phí: Tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo có ý kiến xin miễn án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bản thân bị cáo đã tiêu hết số tiền có được sau khi thực hiện hành vi phạm tội và bỏ trốn khỏi địa phương trong thời gian dài, không thực hiện việc khắc phục thiệt hại cho bị hại, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Hơn nữa, bị cáo đang ở độ tuổi lao động, có khả năng lao động tạo thu nhập, gia đình bị cáo không thuộc diện hộ nghèo, không có xác nhận của chính quyền địa phương về việc không có đủ khả năng tài chính để nộp án phí nên không chấp nhận yêu cầu miễn án phí. Do đó, bị cáo Vi Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn H 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 24/10/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Vi Văn H có nghĩa vụ trả lại số tiền là 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lục Văn K (sinh năm 1970; trú tại: khu 4, thị trấn T, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn).

Bị hại Đàm Trung K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn N không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Vi Văn H phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải bồi thường là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước. Tổng số tiền án phí sơ thẩm bị cáo phải chịu là 6.200.000đ (*sáu triệu hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hanh